

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH

Bình Định, ngày tháng năm 2021

V/v báo cáo tình hình thực hiện
vay và trả nợ của địa phương
năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của Chính quyền địa phương; Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Qua tổng hợp, UBND tỉnh Bình Định báo cáo về nợ của chính quyền địa phương và tình hình vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ năm 2020 theo biểu mẫu đính kèm Công văn này.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCTTT Nguyễn Tuấn Thanh;
- Sở Tài chính;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày / / 2021 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dư nợ đầu năm (ngày 01 tháng 01)	Vay trong năm (*)	Trả nợ trong năm			Dư nợ cuối năm (ngày 31 tháng 12)
				Gốc	Lãi/phí	Tổng	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=1+2-3</i>
	Tổng số	223.643	100.965	1.149	1.378	2.527	323.459
I	Tạm ứng ngân quỹ nhà nước (**)	133.500			3	3	133.500
II	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng	0	0	0	0	0	0
1	Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam					0	0
2	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng						0
III	Vay lại vốn vay nước ngoài (***)	90.143	100.965	1.149	1.375	2.524	189.959
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	11.490		1.149		1.149	10.341
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	19.566	26.492		604	604	46.058
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	24.740	28.301		771	771	53.041
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	34.347	46.172				80.519

Ghi chú:

* Số vay lại vốn vay nước ngoài trong năm quy đổi từ USD sang VND theo tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố, áp dụng vào thời điểm phát sinh giao dịch.

** Khoản tạm ứng tồn ngân KBNN 133,5 tỷ đồng của dự án đường ven biển Nhơn Hội - Tam Quan đã được Bộ Tài chính khoan nợ và không thu phí tạm ứng tại Công văn số 12138/BTC-KBNN ngày 12/9/2011

*** Không bao gồm dư nợ của Dự án Năng lượng nông thôn II (REII) vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Dư nợ đến 31/12/2020: 106.905.635.591 đồng), được trả nợ bằng nguồn vốn khấu hao tài sản hình thành từ vốn vay.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	Tên Dự án/Chương trình	Nguồn vốn cho vay lại	Nguyên tệ	Dự nợ đầu kỳ	Dự nợ đầu kỳ quy VND	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ					Dự nợ cuối kỳ	Dự nợ cuối kỳ quy VND	Nợ quá hạn				
							Gốc	Lãi	Phí theo HĐ vay	Phí QLCVL	Cộng			Gốc	Lãi	Phí theo HĐ vay	Phí QLCVL	Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	WB	USD	496.064,2	11.489.838.826		49.972,35				49.972,35	446.091,84	10.340.854.944					
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	WB	USD	860.625	19.933.796.250	1.141.892,1		25.989,72			25.989,72	2.002.517,10	46.420.348.895					
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	WB	USD	1.095.297,30	25.369.276.063	1.220.982,26		32.880,85			32.880,85	2.316.279,56	53.693.676.480					
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	WB	USD	1.493.536,67	34.593.296.351	1.989.416,3						3.482.952,99	80.738.333.261					
TỔNG CỘNG																		
	USD			3.945.523,2		4.352.290,7	49.972,35	58.870,6	0	0	108.843	8.247.841,5		-	-	-	-	-
	...																	
	Tổng quy USD				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng quy VND				91.386.207.489	100.965.403.126	1.148.983.882	1.375.897.239	0	0	2.524.881.121		191.193.213.581	-	-	-	-	-
						-	-	-	-	-	-			-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo

- Cột 14: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CỦA UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH THEO CHỦ NỢ
BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày / / 2021 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	TÊN CHỦ NỢ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VND	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Trong đó, Dư nợ quá hạn cuối kỳ	Dư nợ quá hạn cuối kỳ quy VND
1	2	3	4	5	6	7	8
	Chủ nợ: Ngân hàng thế giới						
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	496.064,19	11.489.838.826	446.091,84	10.340.854.944		
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	860.625,00	19.933.796.250	2.002.517,10	46.420.348.895		
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	1.095.297,30	25.369.276.063	2.316.279,56	53.693.676.480		
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	1.493.536,67	34.593.296.351	3.482.953,0	80.738.333.261		
	Tổng dư nợ (quy VND)	3.945.523,16	91.386.207.489	8.247.841,49	191.193.213.581	0	0
	Hạn mức nợ theo quy định (VND)		2.485.500.000.000				

Ghi chú:

- Cột 4: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

I. Thông tin cơ bản:

- Tên Dự án: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)
- Tên Nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới
- Hiệp định vay số: 5749-VN
- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2016 đến năm 2022
- Tổng mức đầu tư: 284.680.000.000 đồng
- Tổng số vốn vay: 11.990.000 USD
- Tỷ lệ vay lại: 25% vốn IDA (2.997.500 USD)

II. Tiến độ thực hiện dự án:

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại:

TT	Nguồn vốn	Số đã giải ngân tính đến thời điểm báo cáo		Số còn lại	
		Cấp phát	Vay lại	Cấp phát	Vay lại
	Vốn IDA	6.007.551	2.002.517	2.984.949	994.983
Tổng cộng (USD)		6.007.551	2.002.517	2.984.949	994.983
Quy ra VNĐ		139.261.046.685	46.420.348.895	69.194.095.815	23.064.698.605

2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án:

Tỉnh Bình Định có 2 tiểu dự án: (i) Dự án năm thứ nhất: Sửa chữa hồ chứa nước Thạch Bàn đã bàn giao công trình đưa vào sử dụng; (ii) Dự án năm thứ 2: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (năm 2) gồm 15 hồ chứa nước; trong đó: (i) đã thi công hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng hồ chứa nước Lỗ Môn, Hồ Cùng, Cự Lễ, Đá Bàn, Giao Hội, Kim Sơn, Hóc Tranh và Mỹ Đức; (iii) 5 hồ chứa (An Tường, Núi Miếu, Trinh Vân, Hưng Long, Suối Rùn) đang triển khai xây lắp, dự kiến Quý I, II/2021 hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; 02 hồ tiềm năng Hồ Tranh và Cây Me đang xin ý kiến không phản đối của Ngân hàng Thế giới.

3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng: Được bố trí đầy đủ theo nhu cầu của dự án

4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư: Thực hiện theo đúng các Nghị định, thông tư quy định hiện hành.

5. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị: Không./.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

I. Thông tin cơ bản:

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP): Hợp phần 1: Khôi phục, cải tạo đường địa phương
- Tên Nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới
- Hiệp định vay số: 5810-VN
- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2017 đến năm 2021
- Tổng mức đầu tư: 201, 97 tỷ đồng
- Tổng số vốn vay: 8.600.000 USD
- Tỷ lệ vay lại: 30% vốn IDA (tối đa 2.580.000 USD)

II. Tiến độ thực hiện dự án:

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại:

TT	Nguồn vốn	Số đã giải ngân tính đến thời điểm báo cáo		Số còn lại	
		Cấp phát	Vay lại	Cấp phát	Vay lại
	Vốn IDA	5.404.652	2.316.280	615.348	263.720
	Tổng cộng (USD)	5.404.652	2.316.280	615.348	263.720
	Quy ra VND	125.285.244.201	53.693.676.086	14.264.375.799	6.113.303.914

2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án:

- Công tác khôi phục và cải tạo các tuyến đường tỉnh đã hoàn thành xong và nghiệm thu đưa vào sử dụng 10 tuyến đường tỉnh theo kế hoạch. Hiện nay đang triển khai thực hiện công tác khôi phục và cải tạo tuyến đường ĐT.639 (Nhươn Hội - Tam Quan) đoạn Km 0+00 - Km 13+280.

3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng:

Năm 2017, UBND tỉnh Bình Định đã bố trí vốn đối ứng cho dự án là 9,25 tỷ đồng, tính đến 31/12/2020 Sở Giao thông vận tải đã sử dụng 7,236 tỷ đồng chủ yếu cho công tác giải phóng mặt bằng và quản lý dự án, tỷ lệ sử dụng vốn 78,23% so kế hoạch.

4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư: Thực hiện theo đúng các Nghị định, thông tư quy định hiện hành.

5. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị: Không

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

I. Thông tin cơ bản:

- Tên Dự án: Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu Dự án thành phố Quy Nhơn
- Tên Nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới
- Hiệp định vay số: IBRD 8745-VN; IDA 6027-VN
- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2017 đến năm 2022
- Tổng mức đầu tư: 55.303.993 USD; Trong đó: Vốn ODA là 50.083.182 USD và Vốn đối ứng là 5.220.811 USD.
- Tỷ lệ vay lại: 100% vốn IBRD (5.125.000 USD); 30% vốn IDA (13.487.455 USD)

II. Tiến độ thực hiện dự án:

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại:

TT	Nguồn vốn	Lũy kế vốn vay ODA đã giải ngân tính đến thời điểm báo cáo			Vốn vay ODA còn lại chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo		
		Cấp phát	Vay lại	Cộng	Cấp phát	Vay lại	Cộng
1	2	3	4	5=3+4	6	7	8=6+7
1	Vốn IBRD	-	1.604.681,21	1.604.681,21		3.520.318,79	3.520.318,79
2	Vốn IDA	4.382.634,17	1.878.271,78	6.260.905,95	27.088.094,16	11.609.183,22	38.697.277,38
	Tổng cộng	4.382.634,17	3.482.952,99	7.865.587,16	27.088.094,16	15.129.502,01	42.217.596,17
	Quy ra VNĐ	101.593.842.695	80.738.333.261	182.332.175.956	627.929.110.800	350.716.986.094	978.646.096.894

2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án:

Dự án được điều chỉnh có 41 gói thầu và công việc thực hiện, trong đó: Hợp phần 1 có 17 gói thầu (Xây lắp 09 gói, Hàng hóa 02 gói và Tư vấn 06 gói); Hợp phần 2 có 01 gói thầu (Xây lắp); Hợp phần 3 là Công tác Bồi thường, giải phóng mặt bằng; Hợp phần 4 có 23 gói thầu (Tư vấn) và các công việc khác không đấu thầu. Trong đó, Hợp phần 1 và Hợp phần 2 sử dụng vốn ODA, còn lại sử dụng vốn đối ứng của Ngân sách tỉnh. Đến nay các gói thầu vốn ODA đã được ký kết 13 gói thầu/18 gói; tiến độ thực hiện các gói thầu đảm bảo theo tiến độ hợp đồng và yêu cầu của WB.

3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng năm 2020:

Năm 2020, Dự án được phân bổ vốn đối ứng là 16,23 tỷ đồng, đã giải ngân đến 31/12/2020 là 1,79 tỷ đồng, đạt 11,03% so với kế hoạch năm 2020.

4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư: Không.

5. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị: Không./.